

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch ổn định dân cư các xã biên giới Việt - Lào
vùng Trung du miền núi Bắc Bộ đến năm 2015**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Quyết định số 79/2005/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 37/NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2004 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du miền núi Bắc Bộ đến năm 2010;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại tờ trình số 2721/TTr-BNN-HTX ngày 03 tháng 10 năm 2007, công văn số 25/BNN-HTX ngày 04 tháng 01 năm 2008, của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại công văn số 894/BKH-TĐ&GĐT ngày 12 tháng 02 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch ổn định dân cư các xã biên giới Việt - Lào vùng Trung du miền núi Bắc Bộ đến năm 2015 với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Phạm vi quy hoạch

Phạm vi quy hoạch gồm 81 xã biên giới Việt - Lào của 19 huyện thuộc các tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa, Sơn La và Điện Biên, trong đó:

- Tỉnh Điện Biên 22 xã thuộc 3 huyện: Mường Nhé (7 xã), Mường Chà (6 xã) và Điện Biên (9 xã).

- Tỉnh Sơn La 17 xã thuộc 5 huyện: Sốp Cộp (4 xã), Sông Mã (4 xã), Mộc Châu (4 xã), Mai Sơn (1 xã), Yên Châu (4 xã).

- Tỉnh Thanh Hóa 15 xã thuộc 5 huyện: Mường Lát (6 xã), Quan Hóa (1 xã), Quan Sơn (6 xã), Lang Chánh (1 xã), Thường Xuân (1 xã).

- Tỉnh Nghệ An 27 xã thuộc 6 huyện: Quế Phong (4 xã), Tương Dương (4 xã), Kỳ Sơn (11 xã), Con Cuông (2 xã), Anh Sơn (1 xã), Thanh Chương (5 xã).

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát: đến năm 2015 cơ bản bố trí ổn định dân cư các xã biên giới Việt - Lào vùng Trung du miền núi Bắc Bộ để khai thác tiềm năng, phát triển kinh tế xã hội, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho đồng bào các dân tộc, khắc phục tình trạng di cư tự do, đồng thời bảo vệ vững chắc an ninh biên giới.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Bố trí ổn định tại chỗ 35.384 hộ thuộc diện nghèo trong các xã biên giới ; bố trí sắp xếp ổn định 6.847 hộ, bao gồm: xen ghép vào thôn, bản sở tại 1.951 hộ, di dân tái định cư tập trung 4.896 hộ;

- Khai hoang mở rộng diện tích đất sản xuất nông nghiệp 14.300 ha, trong đó có 1.740 ha ruộng lúa nước và ruộng bậc thang;

- Đầu tư xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng, bao gồm: đường giao thông, thủy lợi, điện, nước sinh hoạt và các công trình công cộng nhằm đảm bảo ổn định cuộc sống và phát triển sản xuất cho nhân dân tại các thôn, bản;

- Về đời sống dân cư: bình quân lương thực cây có hạt đạt trên 330 kg/ người; tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 53% xuống còn 20%; tỷ lệ hộ dùng nước sạch 60 - 80%; tỷ lệ hộ dùng điện 60%; 100% số xã được phủ sóng phát thanh truyền hình và 100% số thôn có điểm sinh hoạt văn hoá cộng đồng, 100% số dân được chăm lo sức khoẻ, khám và chữa bệnh.

3. Định hướng Quy hoạch bố trí ổn định dân cư

a) Quy hoạch bố trí ổn định dân cư dọc tuyến biên giới

- Bố trí ổn định tại chỗ 35.384 hộ với 191.608 khẩu thuộc diện hộ nghèo;

- Bố trí ổn định 6.847 hộ theo hình thức xen ghép với điểm dân cư sở tại hoặc đến điểm dân cư mới, bao gồm: 3.927 hộ thiếu đất sản xuất, nước sinh hoạt; 1.242 hộ vùng có nguy cơ bị sạt lở, lũ quét; 145 hộ vùng rừng đặc dụng, phòng hộ; 764 hộ dẫn dân tách hộ; 475 hộ do nhu cầu quốc phòng; 159 hộ thuộc diện giải phóng mặt bằng xây dựng công trình giao thông, thủy lợi và 135 hộ do nhu cầu khác;

- Ngoài số hộ nêu trên, trong vùng quy hoạch còn bố trí khoảng 3.923 hộ thuộc diện tái định cư các công trình thủy điện, thủy lợi.

b) Phát triển nông lâm nghiệp và ngành nghề nông thôn

- Bố trí sản xuất nông nghiệp: diện tích cây có hạt 42.700 ha, bình quân lương thực trên 330 kg/người; trồng 2.100 ha cây ăn quả, 4.700 ha cây công nghiệp dài ngày, 4.500 ha cây công nghiệp ngắn ngày; phát triển chăn nuôi đàn trâu 91.400 con, đàn bò 89.500 con, đàn lợn 323.800 con, gia cầm trên 1.500.000 con, ngựa, dê 29.600 con;

- Bố trí phát triển sản xuất lâm nghiệp: khoanh nuôi tái sinh rừng 21.700 ha, trồng mới rừng 11.450 ha; tỉ lệ che phủ rừng đạt 55%;

- Phát triển ngành nghề, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ: khuyến khích phát triển nghề rèn, đúc, dệt vải thổ cẩm, chạm khắc gỗ; xây dựng chợ đường biên; xây dựng các cửa khẩu quốc tế: Nậm Cắn, Chiềng Khương, Nam Mèo; đầu tư tôn tạo, trùng tu các điểm di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh để phát triển ngành du lịch.

c) Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng

- Hệ thống đường giao thông: xây dựng mới 1.675 km, nâng cấp 442 km đường liên thôn, liên bản;

- Hệ thống thủy lợi: xây dựng 380 công trình thủy lợi, 394 km kênh mương phục vụ tưới 4.844 ha;

- Cơ sở hạ tầng cộng đồng: xây dựng mới 44.180 m² trường học, 48 trạm xá, phòng phát thuốc với tổng diện tích khoảng 3.400 m²; 39.300 m² nhà văn hóa, trụ sở thôn, bản với 530 công trình; 20 chợ đường biên với diện tích khoảng 8.000 m²; 350 công trình nước sinh hoạt, cấp nước cho trên 12.300 hộ; xây dựng 5 trạm truyền hình tại các xã thuộc tỉnh Điện Biên; xây dựng 174 trạm biến áp, 1.975,5 km đường dây 0,4 KV và 145 máy phát điện nhỏ.

4. Các giải pháp thực hiện

a) Chính sách hỗ trợ ổn định dân cư phát triển sản xuất

Chính sách hỗ trợ ổn định dân cư phát triển sản xuất thực hiện theo quy định tại Quyết định số 160/2007/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế - xã hội các xã tuyến biên giới Việt Nam - Lào và Việt Nam - Campuchia đến năm 2010 và các chính sách hiện hành khác có liên quan.

b) Khoa học công nghệ

- Cung ứng giống cây trồng và vật nuôi cho sản xuất, chú trọng ưu tiên giống có lợi thế xuất khẩu.

- Tăng cường công tác khuyến nông, đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, xây dựng mô hình tăng vụ, mô hình trồng cây đặc sản, mô hình chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; áp dụng khoa học kỹ thuật trong bảo quản nông sản và thực phẩm.

- Tăng cường công tác kiểm dịch động, thực vật.

c) Thị trường và tiêu thụ sản phẩm

- Phát triển kinh tế tại các cửa khẩu, chợ đường biên, xây dựng cửa khẩu tạo điều kiện cho nhân dân trao đổi hàng hóa.

- Hợp tác mậu dịch đường biên, hoạt động trao đổi hàng hóa, mua bán với nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và các nước trong khu vực.

- Thực hiện chính sách phát triển thương mại theo quy định tại Nghị định số 20/1998/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 1998 của Chính phủ về Phát triển Thương mại miền núi, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc, Nghị định số 02/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/1998/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 1998 của Chính phủ.

d) Đào tạo cán bộ, phát triển nguồn nhân lực và nâng cao trình độ dân trí: mở các lớp đào tạo tập huấn cán bộ thôn, bản để hướng dẫn đồng bào phát triển sản xuất; dự kiến đến năm 2010 có 15 - 20% số lao động được đào tạo nghề.

đ) An ninh quốc phòng

- Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, hình thành phòng tuyến nhân dân và an ninh nhân dân trên toàn tuyến biên giới vững mạnh.

- Tuyên truyền giáo dục để người dân biên giới tham gia vào quản lý đường biên.

- Nắm vững địa bàn biên giới, đấu tranh chống các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia.

- Xây dựng khu kinh tế quốc phòng ở khu vực đường biên, phát triển kinh tế quốc phòng.

- Củng cố cơ sở chính trị các thôn, bản biên giới.

e) Vốn đầu tư và nguồn vốn đầu tư

- Tổng nhu cầu vốn đầu tư khoảng 5.400,8 tỉ đồng.

- Nguồn vốn đầu tư: nguồn vốn đầu tư được lồng ghép từ nguồn vốn của các chương trình, dự án hiện có trên địa bàn; vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương để đầu tư các dự án ổn định dân các xã biên giới Việt - Lào khoảng 984 tỉ đồng (chiếm 18,2% tổng nhu cầu vốn đầu tư).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì phối hợp với các Bộ, Ngành liên quan hướng dẫn Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới Việt - Lào vùng Trung du miền núi Bắc Bộ:

- Xây dựng quy hoạch ổn định dân cư các xã biên giới của từng tỉnh, lập các dự án đầu tư để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Lập kế hoạch bố trí ổn định dân cư 5 năm và hàng năm để tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Xây dựng các mô hình bố trí dân cư các xã biên giới để rút kinh nghiệm trước khi triển khai trên diện rộng.

b) Chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch khi cần thiết.

c) Phối hợp với Bộ Tài chính nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh chính sách thực hiện bố trí dân cư các xã biên giới.

d) Kiểm tra giám sát, đánh giá kết quả thực hiện ổn định dân cư tại các địa phương.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính cân đối bố trí vốn hàng năm cho các tỉnh và các Bộ, ngành tham gia thực hiện Quy hoạch trên cơ sở thống nhất với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Bộ Tài chính:

a) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí vốn hàng năm cho các địa phương và các Bộ, ngành tham gia thực hiện các dự án của Quy hoạch.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn cơ chế quản lý, cấp phát, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư các dự án.

4. Bộ Quốc phòng: chỉ đạo các đơn vị trực thuộc của Bộ tham gia hướng dẫn, giúp đỡ đồng bào sản xuất, ổn định đời sống; thực hiện xây dựng các khu kinh tế quốc phòng và đảm bảo an ninh quốc phòng khu vực biên giới.

5. Các Bộ, ngành có liên quan: căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao có kế hoạch phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh để thực hiện tốt các nội dung của Quy hoạch này.

6. Ủy ban nhân dân các tỉnh Sơn La, Điện Biên, Thanh Hóa, Nghệ An:

a) Chỉ đạo và tổ chức thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt Quy hoạch ổn định dân cư các xã biên giới của tỉnh và các dự án đầu tư theo quy định.

b) Xây dựng dự toán vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương hàng năm và giai đoạn 2008 - 2015 của các dự án ổn định dân cư các xã biên giới Việt - Lào, gửi các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính để tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

c) Thực hiện lồng ghép nguồn vốn của các chương trình, dự án khác trên địa bàn với các dự án ổn định dân cư các xã biên giới Việt - Lào.

d) Chỉ đạo các Sở, Ban, ngành, chính quyền các cấp phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể nhân dân tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia thực hiện Quy hoạch ổn định dân cư các xã biên giới Việt - Lào và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án cụ thể trên địa bàn, đảm bảo hiệu quả đầu tư.

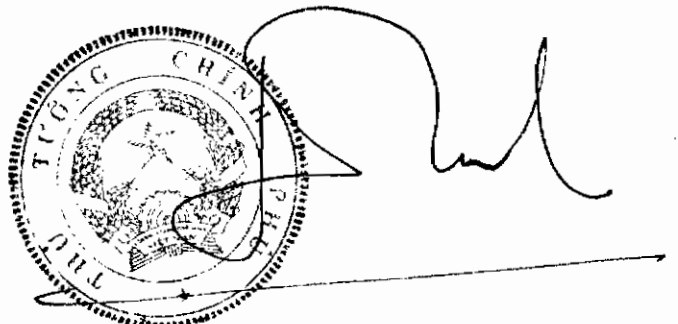
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh: Điện Biên, Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh: Điện Biên, Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Ban Chỉ đạo Tây Bắc;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN,
- Người phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (5) **120**



Nguyễn Tấn Dũng